



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

The Relationship Between the State, the Market and Society in Vietnam: An Analysis from the Constitutional Law Perspective

Vu Cong Giao*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 25th January 2024

Revised 27th April 2025; Accepted 29th June 2025

Abstract: The article delves into the relationship between the state, the market and society, primarily from the perspectives of neo-liberalism and state interventionism and highlights the difference between these approaches. On this basis, the author analyzes the state-market-society relationship in Vietnam in the contemporary era, as evidenced in the Constitutions from 1946 to 2013. The author asserts that this relationship has continually adapted to the country's historical context since independence, aligning with the global trend. However, there are still some areas that require attention, particularly in economic policy and ensuring substantive public participation in social governance.

Keywords: State, market, society, constitutional law, neo-liberalism, state interventionism, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: giaovnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4710>

Mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam: Phân tích từ góc độ luật hiến pháp

Vũ Công Giao*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 25 tháng 01 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 27 tháng 4 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội, chủ yếu từ lý thuyết của chủ nghĩa tân tự do và chủ nghĩa can thiệp nhà nước và chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận này. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại mà thể hiện qua các bản Hiến pháp từ 1946 đến 2013. Theo tác giả, mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam đã có những biến chuyển liên tục để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của đất nước kể từ khi giành được độc lập đến nay. Hiện tại, mối quan hệ đó đã phản ánh xu thế chung của thế giới, tuy nhiên, vẫn còn một số điểm bất hợp lý cần tiếp tục khắc phục, đặc biệt là về chính sách kinh tế và việc bảo đảm sự tham gia thực chất của người dân vào quản lý xã hội.

Từ khóa: Nhà nước, thị trường, xã hội, luật hiến pháp, chủ nghĩa tân tự do, chủ nghĩa can thiệp nhà nước, Việt Nam.

1. Dẫn nhập

Mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội là vấn đề thu hút sự quan tâm của giới học giả ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Xét chung, có hai lý thuyết chủ yếu về mối quan hệ này, đó là chủ nghĩa tân tự do (neo-liberalism) - trong đó có xu hướng nhấn mạnh vai trò của thị trường và xã hội, và chủ nghĩa can thiệp nhà nước (state interventionism) - mà theo xu hướng ngược lại, trong đó nhấn mạnh vai trò của nhà nước. Cả hai lý thuyết này đều có những điểm hợp lý, chưa hợp lý. Hai lý thuyết này ảnh hưởng đến các quốc gia theo những cách khác nhau, ở những mức độ khác nhau và có thể thay đổi theo từng thời điểm lịch sử.

Nghiên cứu về nhà nước, thị trường, xã hội đã được thực hiện ở Việt Nam kể từ Đổi mới và trở lên cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, khi đất

nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và đang nỗ lực vươn mình để gia nhập hàng ngũ các quốc gia phát triển của thế giới [15]. Trong bối cảnh đó, đã có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ nhà nước, thị trường, xã hội, tuy nhiên, hầu hết tiếp cận dưới góc độ triết học, chính trị học, kinh tế học, xã hội học và quản trị công [5, 7, 19], hầu như chưa có nghiên cứu chuyên sâu tiếp cận mối quan hệ này từ góc độ luật học. Bài viết này góp phần lấp khoảng trống đó thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường, xã hội ở Việt Nam từ góc độ luật hiến pháp. Hướng tiếp cận từ luật hiến pháp sẽ bổ sung cho những nghiên cứu từ góc độ các chuyên ngành nêu trên, giúp làm rõ cơ sở pháp lý, giới hạn quyền lực và thiết kế thể chế để bảo đảm sự cân bằng giữa ba yếu tố nhà nước, thị trường, xã hội.

Với mục tiêu như trên, phần đầu tiên của bài viết phân tích một cách khái quát bản chất mối

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: giaovnu@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4710>

quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; phần tiếp theo phân tích mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam trong các bản Hiến pháp từ 1946 đến 2013; phần cuối cùng xác định những tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam hiện nay.

2. Khái lược về quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội

Nhà nước, thị trường, xã hội là ba yếu tố có vai trò nền tảng định hình sự tồn tại, phát triển của mỗi quốc gia [5]. Ba yếu tố này có sự tương tác, gắn bó mật thiết với nhau, song mỗi yếu tố có những chức năng riêng và vai trò của chúng có thể thay đổi tùy thuộc vào mô hình phát triển và hệ thống chính trị của từng quốc gia.

Nhà nước (yếu tố thứ nhất) mang bản chất là một thiết chế quyền lực công, do người dân lập ra, để phục vụ người dân, thay mặt người dân quản lý xã hội. Như vậy, Nhà nước cần xây dựng và duy trì hệ thống pháp luật và chính sách công để xử lý các quan hệ xã hội, đảm bảo an ninh và trật tự xã hội. Nhà nước cũng thường can thiệp vào thị trường thông qua các chính sách tài chính, kinh tế và các hoạt động điều tiết khác, nhằm đạt được các mục tiêu tăng trưởng, ổn định kinh tế cũng như phân phối thu nhập, tài sản một cách hợp lý.

Thị trường (yếu tố thứ hai) là nơi diễn ra các hoạt động kinh tế của đất nước, thể hiện qua các hoạt động trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Thị trường có vai trò quyết định giá cả các loại hàng hóa và dịch vụ thông qua quan hệ cung cầu, qua đó phân bổ và sử dụng tài nguyên cùng các nguồn lực khác của xã hội một cách tối ưu. Để giữ được vai trò đó, thị trường cần được xây dựng, vận hành dựa trên nguyên tắc tự do cạnh tranh. Tuy nhiên, thị trường tự do tuyệt đối cũng có thể dẫn đến sự bất bình đẳng và khủng hoảng kinh tế, vì vậy nhà nước cũng cần can thiệp vào thị trường khi cần thiết [5, 7, 19].

Xã hội (yếu tố thứ ba) thường được hiểu với nghĩa là một khái niệm tổ hợp, bao gồm các tổ chức, cộng đồng và cá nhân bên ngoài khu vực

nhà nước và khu vực kinh doanh mà đóng vai trò đại diện cho lợi ích cộng đồng và các quyền, lợi ích của người dân. Xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát, phản biện và hỗ trợ việc thực hiện các chính sách công cũng như điều chỉnh các bất cập trong cả khu vực nhà nước và khu vực thị trường.

Mối quan hệ giữa ba yếu tố nêu trên từ lâu đã là chủ đề thảo luận sôi nổi cả trong giới học thuật và giới kỹ trị ở nhiều quốc gia. Nhìn từ góc độ học thuật, có những quan điểm khác nhau về vai trò của các yếu tố nêu trên, đặc biệt là yếu tố nhà nước và thị trường. Xét riêng về vai trò của hai yếu tố này, có hai lý thuyết tiêu biểu, với cách tiếp cận trái ngược nhau, đó là:

- *Nhấn mạnh vai trò của thị trường*: Đây là cách tiếp cận của lý thuyết về chủ nghĩa tân tự do. Lý thuyết được phát triển từ cuối thế kỷ 20 trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và sự thất bại của các mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở nhiều quốc gia, mà một số tác giả tiêu biểu là Colloque Walter Lippmann [6], Milton Friedman [9], Louis Rougier [16], Friedrich Hayek [10],...

Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa tân tự do là thúc đẩy thị trường tự do, giảm thiểu vai trò của nhà nước trong kinh tế, và ủng hộ toàn cầu hóa kinh tế. Nó có liên quan chặt chẽ với các chính sách mà nhiều nước phát triển phương Tây đã áp dụng từ thập niên 1980, đặc biệt là dưới thời Tổng thống Ronald Reagan ở Mỹ và Thủ tướng Margaret Thatcher ở Anh. Tựu trung, những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa tân tự do bao gồm: i) Thị trường tự do: Chủ nghĩa tân tự do nhấn mạnh vai trò của thị trường tự do trong việc phân bổ tài nguyên. Thị trường được coi là công cụ tốt nhất để đảm bảo hiệu quả kinh tế và tối ưu hóa sự phát triển thông qua cạnh tranh, không có sự can thiệp mạnh mẽ từ nhà nước. ii) Giảm vai trò của nhà nước: Chủ nghĩa tân tự do phản đối sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào nền kinh tế. Vai trò của nhà nước được xem là nên giới hạn ở việc tạo khung pháp lý cho hoạt động kinh doanh và bảo vệ quyền sở hữu tư nhân. Ngoài ra, nhà nước cần giảm bớt quy mô và chi tiêu, bán bớt các doanh nghiệp nhà nước (tư nhân hóa), và cắt giảm các dịch vụ xã hội. iii) Tự do hóa thương mại: Chủ nghĩa tân tự do thúc đẩy việc

giảm các rào cản thương mại và khuyến khích tự do hóa kinh tế, qua đó cho phép dòng vốn và hàng hóa được lưu thông tự do qua biên giới các quốc gia, tạo ra một môi trường kinh tế toàn cầu hóa mà trong đó các quốc gia, doanh nghiệp và cá nhân có thể tham gia vào thị trường quốc tế mà không gặp trở ngại.

Chủ nghĩa tân tự do đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách kinh tế toàn cầu trong mấy thập kỷ vừa qua, đặc biệt trong việc định hình các chính sách của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nó thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa kinh tế, với các hiệp định thương mại quốc tế và sự phát triển của các công ty đa quốc gia, từ đó thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia và khu vực. Dù vậy, chủ nghĩa tân tự do cũng bị chỉ trích mạnh mẽ vì làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng xã hội và làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Ví dụ, việc tư nhân hóa và cắt giảm phúc lợi xã hội đã làm giảm quyền tiếp cận của người nghèo đến các dịch vụ cơ bản như y tế và giáo dục. Ngoài ra, sự phụ thuộc vào thị trường tự do cũng đã dẫn đến nhiều cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, như cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 2008.

- *Nhấn mạnh vai trò của nhà nước:* Đây là cách tiếp cận của chủ nghĩa can thiệp nhà nước - một cách nói khái quát nội hàm của một số lý thuyết (ví dụ, lý thuyết kinh tế của John Maynard Keynes [4]) và mô hình tổ chức nhà nước (ví dụ, mô hình kinh tế Bắc Âu - Nordic model [8]), và thậm chí là chính sách kinh tế của một số quốc gia (ví dụ, chính sách kinh tế mới (new deal) của Roosevelt áp dụng ở Hoa Kỳ những năm 1930 [1]).

Khác với quan điểm của chủ nghĩa tân tự do, chủ nghĩa can thiệp nhà nước cho rằng nhà nước cần can thiệp mạnh mẽ vào nền kinh tế để điều chỉnh và đảm bảo ổn định kinh tế, công bằng xã hội, và sự phát triển bền vững. Ngược lại với những người theo chủ nghĩa tân tự do, những học giả theo chủ nghĩa can thiệp nhà nước không tin rằng thị trường tự do có thể tự điều tiết một cách hiệu quả và công bằng; thay vào đó, họ cho rằng nhà nước cần có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh những thất bại của thị trường và bảo

vệ lợi ích của xã hội. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa can thiệp nhà nước bao gồm: i) Vai trò điều tiết của nhà nước: Nhà nước được coi là chủ thể quan trọng trong việc tạo ra các quy tắc và điều kiện cho hoạt động của thị trường. Nhà nước có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động kinh tế không dẫn đến các tác động tiêu cực như độc quyền, bất bình đẳng, và các vấn đề về môi trường. Các cơ quan nhà nước có thể điều chỉnh thị trường thông qua thuế, quy định và kiểm soát giá cả. ii) Chính sách tài khóa và tiền tệ: Chủ nghĩa can thiệp nhà nước cho rằng nhà nước nên sử dụng các công cụ chính sách tài khóa (thuế và chi tiêu công) và chính sách tiền tệ (kiểm soát lãi suất và cung tiền) để điều chỉnh nền kinh tế. Khi nền kinh tế gặp suy thoái, nhà nước có thể tăng chi tiêu công để kích thích tăng trưởng và giảm thất nghiệp. Ngược lại, trong thời kỳ lạm phát, nhà nước có thể thắt chặt chi tiêu và tăng thuế để kiểm soát giá cả. iii) Phúc lợi xã hội và bất bình đẳng: Một nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa can thiệp nhà nước là đảm bảo các dịch vụ phúc lợi xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, an sinh xã hội và nhà ở và giảm bất bình đẳng xã hội. Nhà nước có vai trò cung cấp hoặc hỗ trợ các dịch vụ này, vì thị trường tự do không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả mọi người, đặc biệt là người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương. Thông qua các chính sách thuế công bằng và các chương trình phúc lợi xã hội, nhà nước có thể đảm bảo rằng của cải và tài nguyên được phân phối đều hơn giữa các tầng lớp trong xã hội, giúp nâng cao mức sống và cơ hội cho những nhóm yếu thế.

Cũng theo những người theo chủ nghĩa can thiệp nhà nước, để thực hiện các mục tiêu đảm bảo ổn định kinh tế, công bằng xã hội, và sự phát triển bền vững, nhà nước có thể can thiệp vào thị trường bằng các hình thức như: i) Quốc hữu hóa: nhà nước có thể sở hữu hoặc kiểm soát các doanh nghiệp hoặc ngành công nghiệp quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng, vận tải, y tế, giáo dục,... để đảm bảo các nhu cầu cơ bản của xã hội được đáp ứng. ii) Điều tiết thị trường: nhà nước đặt ra các quy định và quy chuẩn để đảm bảo hoạt động của thị trường không gây ra sự bất công hoặc nguy cơ cho xã hội, như quy định về bảo vệ người tiêu dùng, quy định về môi trường,

và kiểm soát giá cả đối với các sản phẩm thiết yếu. iii) Kế hoạch hóa kinh tế: một số quốc gia, đặc biệt là các nước trong khối xã hội chủ nghĩa trước đây, từng áp dụng kế hoạch hóa kinh tế tập trung, trong đó nhà nước đóng vai trò chính trong việc xây dựng và điều chỉnh các mục tiêu phát triển dài hạn, phân bổ tài nguyên và điều tiết hoạt động kinh tế, thậm chí tự tổ chức thực hiện mọi hoạt động kinh tế.

Xét về mặt lý thuyết, những mục tiêu nêu trên rõ ràng là tốt đẹp và trong thực tế chủ nghĩa can thiệp nhà nước đã chứng tỏ khả năng điều tiết các tác động tiêu cực của thị trường, bảo vệ quyền lợi của người dân, đặc biệt trong các thời kỳ khủng hoảng kinh tế. Đó chính là lý do lý thuyết này đã từng có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng ở nhiều quốc gia, khu vực trong nửa cuối thế kỷ 20, và vẫn còn ảnh hưởng đến một số nước trong thời đại ngày nay. Dù vậy, chủ nghĩa can thiệp nhà nước, đặc biệt là những hình thái cực đoan của nó, cũng đã vấp phải sự thất bại vì một số nguyên nhân, trong đó đặc biệt là do sự can thiệp quá mức và bất hợp lý của nhà nước đã dẫn đến nạn quan liêu, tham nhũng tràn lan. Bên cạnh đó, sự can thiệp bất hợp lý của nhà nước cũng dẫn đến việc hạn chế tự do kinh tế, gây trở ngại cho sự phát triển của kinh tế tư nhân, hoạt động kinh tế kém năng động do phụ thuộc vào các chương trình hỗ trợ từ nhà nước. Kết quả là một nền kinh tế kém hiệu quả, năng xuất lao động thấp, thiếu tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Liên quan đến yếu tố thứ ba, vai trò của xã hội trong mối quan hệ với nhà nước và thị trường, đặc biệt là nhà nước, đã được đề cập bởi một số học giả, được gọi chung là lý thuyết về xã hội công dân (*civil society theory*). Các học giả tiêu biểu cho lý thuyết này bao gồm: i) Alexis de Tocqueville: Ông là một trong những nhà tư tưởng đầu tiên khái niệm hóa về xã hội công dân trong thế kỷ 19. Ông cho rằng xã hội công dân đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì nền dân chủ, bởi lẽ các tổ chức xã hội công dân thúc đẩy lòng tin, sự hợp tác và tạo ra một không gian nơi người dân có thể học hỏi và thực hành các giá trị dân chủ [20]; ii) Antonio Gramsci: Ông là một nhà tư tưởng Marxist, xem xã hội công dân như là một không gian tranh luận, nơi mà các hệ

tư tưởng và các vấn đề xã hội có thể được thảo luận, vì thế nó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức và ý thức xã hội của các tầng lớp nhân dân [21]; iii) Jürgen Habermas: Ông là người đã đưa ra khái niệm "không gian công cộng" (public sphere) - là nơi diễn ra các cuộc thảo luận và tranh luận về các vấn đề công cộng, qua đó làm rõ hơn nội hàm của xã hội công dân. Ông cho rằng không gian này là nơi lý tưởng để các công dân trao đổi quan điểm và đưa ra các quyết định liên quan đến cộng đồng, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nền dân chủ [22]; iv) Robert Putnam: Ông nhấn mạnh vai trò của xã hội công dân trong việc tạo ra "vốn xã hội" (social capital), tức là các mối quan hệ xã hội, sự tin tưởng và hợp tác giữa các cá nhân và nhóm trong xã hội. Ông khẳng định rằng sự tham gia vào các tổ chức xã hội công dân giúp xây dựng lòng tin và hỗ trợ sự hợp tác giữa các thành viên trong cộng đồng [23].

Có thể thấy quan điểm của các nhà tư tưởng nêu trên về xã hội công dân có một chút khác nhau, song đều thống nhất ở một số điểm chung đó là: xã hội công dân cần và có thể đóng vai trò trung gian giữa nhà nước và thị trường để giám sát, đảm bảo quyền lợi của người dân và chống lại các hành vi lạm dụng quyền lực cả từ nhà nước và thị trường. Vì vậy, xã hội công dân là yếu tố không thể thiếu trong các nhà nước dân chủ hiện đại, bởi nó tạo ra không gian để các công dân tự tổ chức và phản biện các chính sách công, xây dựng cộng đồng và giải quyết các vấn đề xã hội. Nói cách khác, lý thuyết về xã hội công dân khẳng định và nhấn mạnh vai trò quan trọng của các tổ chức và nhóm xã hội trong việc thúc đẩy sự tham gia của công dân, giám sát quyền lực nhà nước và của các doanh nghiệp, qua đó xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ hơn.

3. Mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hiện đại: tiếp cận từ góc độ luật hiến pháp

Mục trên đã khái quát hoá bản chất của mối quan hệ giữa ba yếu tố nhà nước, thị trường và xã hội. Mối quan hệ giữa ba yếu tố này được thể

hiện khác nhau ở các quốc gia, phụ thuộc vào bối cảnh của từng nước. Ở từng quốc gia, mỗi quan hệ này lại có thể thay đổi qua các giai đoạn hay thời kỳ lịch sử, chủ yếu do sự thay đổi mô hình phát triển và sự biến đổi về mặt kinh tế, chính trị, xã hội của nước đó.

Giống như ở nhiều nước khác, ở Việt Nam, trong thời kỳ hiện đại (tính từ khi thành lập nước năm 1945¹) mỗi quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội đã có những thay đổi qua các hiến pháp, cụ thể như sau:

- Hiến pháp năm 1946

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, Hiến pháp năm 1946 - bản hiến pháp đầu tiên của nước ta - tuy không có quy định riêng về chế độ kinh tế, song bao gồm một điều khoản khẳng định quyền tư hữu tài sản của công dân [11, Điều thứ 12]. Bởi lẽ chế độ sở hữu là yếu tố quyết định tính chất của quan hệ sản xuất, cho nên có thể khẳng định rằng, Điều 12 Hiến pháp 1946 đã xác lập nền móng cho thị trường tự do mà trong đó Nhà nước thừa nhận các hình thức sở hữu khác nhau đối với tư liệu sản xuất, và có nhiều thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động của nền kinh tế lúc bấy giờ. Cũng cố cho Điều 12, Điều 13 Hiến pháp nêu rõ: "Quyền tự do kinh doanh của công dân Việt Nam được bảo hộ". Như vậy, có thể khẳng định rằng, Hiến pháp 1946 chưa đề cập trực tiếp đến nền kinh tế thị trường, nhưng có những quy định đảm bảo cho nền kinh tế thị trường hình thành và hoạt động. Trong thực tế, các nhà tư sản và người lao động riêng lẻ được phép hoạt động cho đến trước cải cách ruộng đất (với nông nghiệp) và cải tạo công thương nghiệp (với công nghiệp và thương mại) [2, 3]. Trong giai đoạn này, Nhà nước đóng vai trò tạo lập thể chế, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế nhưng không can thiệp sâu vào thị trường như trong các giai đoạn sau này.

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội, Hiến pháp năm 1946 đã xác lập một chế độ dân chủ, trong đó vị thế chủ nhân của đất nước của nhân dân được khẳng định [11, Lời nói đầu và

tại Điều 1, trong đó nêu rõ: "Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo". Hiến pháp năm 1946 cũng ghi nhận các quyền tự do dân chủ tiên bộ và rộng rãi, bao gồm tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, quyền bầu cử, quyền bãi miễn đại biểu dân cử, quyền phúc quyết Hiến pháp [11, Chương 2]. Những quyền và tự do này là điều kiện để xã hội công dân phát triển và là cơ sở để người dân có thể giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước - một yêu cầu không thể thiếu trong mối quan hệ thực chất giữa nhà nước và xã hội.

Tóm lại, có thể thấy mặc dù ra đời trong bối cảnh đặc biệt, Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện sự cân bằng trong mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò tổ chức, bảo vệ quyền lợi của nhân dân và tạo môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế; thị trường được công nhận với quyền sở hữu tư nhân và tự do kinh doanh; xã hội có vai trò quan trọng, thể hiện qua việc chủ quyền của nhân dân được ghi nhận, các quyền, tự do dân chủ của nhân dân được bảo vệ. Với những đặc điểm đó, Hiến pháp năm 1946 đã đặt nền móng cho sự phát triển của mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội ở Việt Nam trong các giai đoạn sau.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng mối quan hệ giữa ba yếu tố kể trên đã biến đổi nhất định sau vài năm kể từ khi Hiến pháp năm 1946 có hiệu lực. Cụ thể, từ 1953 đến khi Hiến pháp năm 1946 được thay thế bởi Hiến pháp năm 1959, tự do về kinh tế đã dần dần thu hẹp, bắt đầu từ lĩnh vực nông nghiệp (thông qua cuộc cải cách ruộng đất 1953 - 1956) đến công, thương nghiệp (thông qua cuộc cải tạo công thương nghiệp 1958 - 1960 [2, 3]. Nói cách khác, thông qua các quy định của Hiến pháp 1946, có thể thấy bóng dáng của chủ nghĩa tân tự do ở nước ta trong thời kỳ từ khi giành được độc lập (8/1945) cho đến trước cải cách ruộng đất (1953 - 1956) và cải tạo công

¹ Bài viết này chỉ giới hạn phân tích vấn đề ở miền Bắc, không mở rộng phân tích tình hình ở miền Nam trong giai đoạn đất nước bị chia cắt (1954 - 1975).

thương nghiệp ở miền Bắc (1958 - 1960) - hai sự kiện cho thấy nhà nước đã can thiệp mạnh vào nền kinh tế [2, 3]. Trong giai đoạn này, mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường và xã hội đã dần biến đổi theo hướng các đặc trưng của chủ nghĩa tân tự do ngày càng giảm đi, các đặc trưng của chủ nghĩa can thiệp nhà nước ngày càng tăng lên.

- Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980.

Hiến pháp năm 1959 mặc dù vẫn thừa nhận các hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế, bao gồm sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân [12, Điều 11] song trong thực tế sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân dần dần bị mai một và xoá bỏ để thực hiện định hướng cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội [12, Điều 9, 11, 12] mà trong đó chỉ có hai hình thức sở hữu là sở hữu toàn dân (hay sở hữu nhà nước) và sở hữu tập thể (thực chất cũng là dạng thứ cấp của sở hữu toàn dân) [2, 3]. Bước ngoặt xảy ra là trong Hiến pháp năm 1980, sở hữu tư nhân và gắn liền với đó là thành phần kinh tế tư nhân chính thức bị xoá bỏ, thành phần kinh tế quốc doanh được xác định giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và kèm theo đó là thành phần kinh tế tập thể [13, Chương 2 - Chế độ kinh tế]. Những thay đổi trong quy định về chế độ sở hữu của Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980 là chỉ dấu cho thấy sự thay đổi lớn trong mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường ở nước ta trong giai đoạn này.

Đi sâu hơn về mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, Hiến pháp năm 1959 đã bắt đầu xác lập vai trò can thiệp trực tiếp của nhà nước với thị trường. Điều 14 Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước lãnh đạo nền kinh tế quốc dân bằng kế hoạch và theo pháp luật nhằm không ngừng phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân”. Hiến pháp năm 1980 củng cố cách tiếp cận đó qua việc xác định nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân theo kế hoạch thống nhất, nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác đối với nước ngoài [13, Chương 2 - Chế độ kinh tế]. Với những quy định đó, Hiến pháp năm 1980 đã thể hiện một cách toàn vẹn đặc trưng của chủ nghĩa can thiệp nhà nước, xét về mặt kinh tế.

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội,

Hiến pháp năm 1959 vẫn xác định chế độ dân chủ nhân dân, ghi nhận và bảo vệ các quyền tự do dân chủ của nhân dân [12], song bước đầu thể hiện sự chuyển đổi cách tiếp cận so với Hiến pháp năm 1946. Cụ thể, Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1959 ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với nhà nước và xã hội [12], trong khi Điều 2 khẳng định: “Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Những quy định này thể hiện rằng Đảng Cộng sản và Nhà nước đóng vai trò mạnh mẽ hơn, không chỉ thông qua việc quản lý mà còn tổ chức và điều chỉnh mọi mặt đời sống xã hội. Trong thực tế, vào năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký các sắc lệnh ban hành ba đạo luật quan trọng là Luật quy định quyền lập hội [20], Luật quy định quyền tự do hội họp [21] và Luật về quyền tự do xuất bản [23]. Đây là những vấn đề nền tảng cho tổ chức, hoạt động của các tổ chức xã hội mà vẫn được bảo vệ trong Hiến pháp năm 1959. Trong thực tế ở miền Bắc giai đoạn này bên cạnh Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn có hai đảng chính trị cùng hoạt động (Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội). Ngoài ra, còn có nhiều tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội cùng hoạt động, tuy nhiên hầu hết là do Nhà nước thành lập.

Tóm lại, mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội trong Hiến pháp năm 1959 đã bắt đầu mang tính nhà nước hóa theo mô hình các nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ đó. Xã hội giảm dần tính độc lập như quy định trong Hiến pháp năm 1946 mà chịu sự quản lý, điều chỉnh của Nhà nước, phải phục vụ cho mục tiêu chung của Nhà nước. Cụ thể, Hiến pháp năm 1959 quy định Nhà nước có vai trò tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, trong phạm vi cả nước, từng địa phương, từng cơ sở, với xã hội, thiên nhiên và cả bản thân mỗi người dân (13, các Điều 2 và 3). Với quy định như vậy, Nhà nước đã xác định cho mình vị thế là chủ thể duy nhất quản lý, điều hành và kiểm soát toàn bộ xã hội. Mọi tổ chức xã hội, từ Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân,... đều hoạt động

dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Nhà nước. Cách tiếp cận nhà nước hoá xã hội tiếp tục được thúc đẩy lên đến đỉnh cao trong Hiến pháp năm 1980. Trong bản Hiến pháp này, lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức được quy định là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo toàn diện nhà nước và xã hội (13, Điều 4), và trong thực tế, đến năm 1988, khi các Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội giải thể, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng chính trị duy nhất được thừa nhận và hoạt động ở Việt Nam. Có thể nói rằng, trong số các bản Hiến pháp của Việt Nam từ trước tới nay, Hiến pháp năm 1980 thể hiện rõ nét nhất mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô - Đông Âu trước đây, trong đó nhà nước kiểm soát toàn diện và sâu rộng mọi mặt của đời sống xã hội.

- Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013.

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam phát động công cuộc Đổi mới (1986), mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường và xã hội ở nước ta đã dần biến đổi theo hướng cân bằng hơn. Các đặc trưng của chủ nghĩa tân tự do có xu hướng ngày càng được khôi phục, trong khi các đặc trưng của chủ nghĩa can thiệp nhà nước ngày càng giảm đi.

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, Hiến pháp 1992 đã sửa đổi cơ bản chế định về chế độ kinh tế (so với Hiến pháp 1980). Mục đích của các nhà lập hiến trong Hiến pháp 1992 là để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân. Vì vậy, nền tảng của chế độ kinh tế trong Hiến pháp 1992 là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1992 vẫn xác định chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, song tái thừa nhận sở hữu tư nhân [14, Điều 15]. Các thành phần kinh tế được ghi nhận gồm có: thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài [14, Điều 15], trong đó, thành phần kinh tế quốc doanh được ưu tiên “cùng cổ và phát triển”, nhất là trong những ngành, lĩnh vực then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân [14, Điều 19]. Cơ sở kinh tế quốc doanh được quyền tự chủ trong sản xuất, kinh

doanh, bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế được Hiến pháp năm 1992 xác định là nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách, chứ không trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh tế (Nhà nước “cầm lái” chứ không “chèo thuyền”) như trong Hiến pháp năm 1980.

Chế độ kinh tế theo Hiến pháp năm 1992 được kế thừa trong Hiến pháp năm 2013, song có một số điều chỉnh. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục xác định nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, song các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân [15, Điều 51]. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật [15, Điều 51]. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa [15, Điều 51]. Hiến pháp năm 2013 xác định phương pháp quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế là: Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường; thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân [15, Điều 52]. Như vậy, có thể thấy so với Hiến pháp năm 1992, chế định chế độ kinh tế trong Hiến pháp năm 2023 thể hiện định hướng thị trường rõ ràng, cụ thể và toàn diện hơn (hay nói cách khác, thể hiện rõ hơn đặc trưng của chủ nghĩa tân tự do về kinh tế).

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội, Hiến pháp năm 1992 cũng cho thấy sự chuyển đổi quan trọng trong mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội theo hướng cởi mở hơn so với Hiến pháp năm 1980, phù hợp với công cuộc Đổi mới. Cụ thể, Hiến pháp năm 1992 không thể hiện tính chất nhà nước hoá xã hội triệt để như trong Hiến pháp năm 1980. Theo Hiến pháp năm 1992, Nhà nước tuy vẫn đóng vai trò chủ đạo, nhưng không

còn kiểm soát toàn diện xã hội mà để xã hội có không gian tự chủ hơn, cả trong các quan hệ kinh tế và đời sống dân sự. Điều này thể hiện qua việc Hiến pháp năm 1992 chính thức công nhận nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế tư nhân được pháp luật bảo hộ, cũng như thông qua các điều khoản khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh (14, Điều 15), cũng như thông qua những đổi mới lớn về chế định quyền con người, quyền công dân, trong đó lần đầu tiên ghi nhận khái niệm “quyền con người” [14, Điều 50] và việc ghi nhận, bảo vệ một cách rộng rãi và thực chất hơn các quyền con người, quyền công dân về dân sự, chính trị so với Hiến pháp năm 1980 [15, Chương 5]. Đặc biệt, trong lần sửa đổi năm 2001, Hiến pháp năm 1992 đã chính thức xác định (tại Điều 2): “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức”. Đây là quy định rất quan trọng, thể hiện bản chất mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội, đồng thời thể hiện rõ sự chuyển đổi cách tiếp cận về mối quan hệ này trong Hiến pháp năm 1992 so với Hiến pháp năm 1980 (mà trong đó các Điều 2 và 3 xác định bản chất nhà nước là nhà nước chuyên chính vô sản và chỉ đại diện cho nhân dân lao động).

Hiến pháp năm 2013 kế thừa cách tiếp cận về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội từ Hiến pháp năm 1992, đồng thời có một số điều chỉnh để tiếp tục đổi mới, làm sâu sắc và hợp lý hơn mối quan hệ đó, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong giai đoạn mới. So với Hiến pháp năm 1980, mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội trong Hiến pháp năm 2013 tiếp tục được xác định theo hướng cân bằng hơn nữa, thể hiện qua những quy định theo hướng Nhà nước không chỉ là thiết chế quản lý xã hội, mà còn còn là thiết chế phục vụ nhân dân (Điều 2), khẳng định nhà nước được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc pháp quyền, chịu sự giám sát trong việc thực hiện quyền lực của mình (Điều 2, 8); khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân,

chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật (Điều 4), mở rộng không gian tự chủ của xã hội thông qua việc đề cao vai trò của các tổ chức xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên (Điều 9,10); hoàn thiện chế định về quyền con người, quyền công dân để phù hợp hơn với các tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế (Chương II) và khẳng định nghĩa vụ toàn diện của nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thực hiện các quyền con người, bao gồm các quyền dân sự, chính trị (Điều 3).

4. Tồn tại, hạn chế và giải pháp hoàn thiện mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam hiện nay

Từ những phân tích ở mục trên, có thể thấy mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Việt Nam đã có những biến chuyển liên tục để phù hợp với hoàn cảnh lịch sử của đất nước kể từ khi giành được độc lập (1945) đến nay. Hiện tại, mối quan hệ đó đã phản ánh xu thế chung của thế giới, tuy nhiên, vẫn còn một số điểm bất hợp lý cần tiếp tục khắc phục.

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, tồn tại, hạn chế lớn nhất hiện nay đó là vai trò của nhà nước trong nền kinh tế còn chưa thực sự rõ ràng. Nhà nước hiện vừa đóng vai trò quản lý, vừa tham gia trực tiếp vào thị trường (thông qua các doanh nghiệp nhà nước). Trong một số lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm ưu thế lớn (điện lực, xăng dầu, tài nguyên,...), vì thế có thể tạo nên tình trạng cạnh tranh không bình đẳng giữa khu vực công và tư nhân. Hệ thống luật pháp, chính sách về kinh tế chưa thực sự ổn định và minh bạch, vì thế dễ tạo ra tình trạng xin - cho, lợi ích nhóm; chất lượng thể chế kinh tế còn hạn chế, thủ tục hành chính phức tạp, gây khó khăn cho doanh nghiệp, làm tăng chi phí tuân thủ pháp luật; một số ngành nghề vẫn bị ràng buộc điều kiện kinh doanh quá mức, làm giảm sự năng động của thị trường. Kinh tế tư nhân được coi là động lực phát triển

của nền kinh tế nhưng vẫn bị hạn chế nhất định trong tiếp cận đất đai, vốn vay, chính sách hỗ trợ, vì vậy phát triển chưa xứng tầm. Quản lý thị trường còn bất cập, chưa kiểm soát tốt cạnh tranh và gian lận thương mại, dẫn đến tình trạng độc quyền, thao túng giá cả vẫn xảy ra trong một số lĩnh vực như điện, xăng dầu, viễn thông, trong khi hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại, buôn lậu vẫn còn khá phổ biến, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp làm ăn chân chính. Chính sách quản lý giá cả còn bất cập, thể hiện qua việc Nhà nước vẫn có sự can thiệp nhất định vào một số mặt hàng mà thị trường có thể tự điều tiết, ví dụ như xăng dầu. Cải cách doanh nghiệp nhà nước chưa đạt hiệu quả như mong đợi, thể hiện qua việc cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước còn chậm, nhiều doanh nghiệp vẫn hoạt động kém hiệu quả nhưng khó bị loại bỏ, gây lãng phí ngân sách và tài nguyên. Tình trạng thất thoát, tham nhũng trong doanh nghiệp nhà nước vẫn là vấn đề nhức nhối, ảnh hưởng đến niềm tin vào thị trường.

Tóm lại, tồn tại lớn nhất trong mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường hiện nay ở nước ta là sự can thiệp chưa thực sự hợp lý của nhà nước vào thị trường, và tình trạng thiếu minh bạch trong quản lý, vì vậy chưa tạo ra môi trường cạnh tranh công bằng giữa các thành phần kinh tế, làm giảm động lực phát triển của nền kinh tế. Để khắc phục những hạn chế đó, cần thực hiện một số giải pháp, trong đó đặc biệt là tiếp tục cải cách thể chế kinh tế, giảm bớt sự can thiệp hành chính không cần thiết của nhà nước vào các quan hệ kinh tế; tăng cường minh bạch và công khai trong việc hoạch định và thực hiện các chính sách kinh tế, đặc biệt là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh hơn; đẩy mạnh cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước để tránh thất thoát tài sản công; hoàn thiện hệ thống quản lý thị trường, ngăn chặn độc quyền và gian lận thương mại. Nếu thực hiện được tốt các giải pháp đó sẽ giải quyết được những vấn đề tồn tại đã nêu trên, tạo ra mối quan hệ hài hòa giữa nhà nước và thị trường, nâng cao tính cạnh tranh của và thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.

Xét về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội,

tồn tại, hạn chế lớn nhất hiện nay thể hiện qua việc huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội và người dân vào quản lý nhà nước. Người dân chưa có nhiều kênh chính thức và hiệu quả để đóng góp ý kiến về chính sách, pháp luật của nhà nước và giám sát, kiểm soát bộ máy nhà nước. Các cơ chế lấy ý kiến người dân còn mang tính hình thức, chưa thực sự phản ánh đầy đủ nguyện vọng của nhân dân, trong khi đó, bầu cử ở một số nơi còn tương đối hình thức khiến cho cử tri giảm sự quan tâm và không thể hiện trách nhiệm đầy đủ trong việc lựa chọn đại biểu dân cử. Vai trò phản biện, giám sát bộ máy nhà nước của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội chưa được phát huy hiệu quả. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô cảm của một bộ phận cán bộ làm việc trong bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị chưa được khắc phục, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của người dân vào Đảng và nhà nước.

Để xử lý những tồn tại, bất cập trong quan hệ giữa nhà nước và xã hội đã nêu trên, cũng cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, đổi mới chế độ bầu cử, tăng cường các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, giúp người dân có vai trò lớn hơn trong quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, cần đổi mới mạnh mẽ quản trị quốc gia để vừa nâng cao hiệu quả quản trị, vừa kiểm soát được quyền lực và phòng chống tham nhũng. Thực hiện tốt những giải pháp này sẽ khắc phục được những hạn chế, tạo lập được mối quan hệ hài hòa, bền vững giữa nhà nước và xã hội, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước trong giai đoạn mới.

Lời cảm ơn

Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu mã số 505.01-2021.07, tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED).

Tài liệu tham khảo

- [1] A. M. Schlesinger, *The Coming of the New Deal, 1933 - 1935*, Houghton Mifflin, 2003, ISBN 978-0-618-34086-6, S. 22.
- [2] Báo cáo của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá năm 1961. Do ông Nguyễn Duy Trinh, Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước trình bày tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá II, ngày 12/4/1961, <https://noidung.quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=1344> (accessed on: April 27th, 2025).
- [3] Báo cáo tình hình công tác sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức (Do ông Nguyễn Duy Trinh, Chủ nhiệm Văn phòng Nội chính, Phủ Thủ tướng trình bày tại kỳ họp thứ 7 của Quốc hội). <https://noidung.quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=521> (accessed on: April 27th, 2025).
- [4] B. W. Bateman, T. Hirai, Maria Cristina Marcuzzo, eds., *The Return to Keynes*. Harvard University Press. 2010, pp. 146. ISBN 978-0-674-05354-0.
- [5] C. V. Cáp, Nắm vững và giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội theo hướng “Nhà nước mạnh, thị trường hiệu quả và xã hội năng động, sáng tạo”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 21/09/2020, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/hoan-thien-moi-quan-he-nha-nuoc-thi-truong-va-xa-hoi-theo-huong-nha-nuoc-manh-thi-truong-hieu-qua-va-xa-hoi-nang-dong-sang-tao (accessed on: April 27th, 2025).
- [6] Clavé, Francis, *Comparative Study of Lippmann's and Hayek's Liberalisms (or neo-liberalisms)*. The European Journal of the History of Economic Thought. 22 (6): 978 - 999, 2025. doi:10.1080/09672567.2015.1093522. S2CID 146137987.
- [7] Đ. M. Huân, Mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý phát triển xã hội: Những vấn đề đặt ra cho phát triển xã hội số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 12/04/2023, [https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/moi-quan-he-giua-nha-nuoc-thi-truong-va-xa-hoi-trong-quan-ly-phat-trien-xa-hoi-nhung-van-de-dat-ra-cho-phat-trien-xa-hoi-so-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii](https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/moi-quan-he-giua-nha-nuoc-thi-truong-va-xa-hoi-trong-quan-ly-phat-trien-xa-hoi-nhung-van-de-dat-ra-cho-phat-trien-xa-hoi-so-theo-tinh-than-dai-hoi-xiii-cua-dang) (accessed on: April 27th, 2025).
- [8] Dolvik, et al. *The Nordic Model Towards 2030: A New Chapter?* Nord Mod 2030, pp. 23. ISBN 978-8232401857.
- [9] Friedman, Milton, *Neo-Liberalism and Its Prospects*, February 17, 1951.
- [10] Hayek, Friedrich, *Law, Legislation and Liberty*, Vol. 2: *The Mirage of Social Justice*, 1976.
- [11] Hiến pháp 1946, https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=536 (accessed on: April 27th, 2025).
- [12] Hiến pháp 1959, https://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=890 (accessed on: April 27th, 2025).
- [13] Hiến pháp 1980, https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=1536 (accessed on: April 27th, 2025).
- [14] Hiến pháp 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=22335 (accessed on: April 27th, 2025).
- [15] Hiến pháp 2013, <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=171264&classid=1&typegroupid=1> (accessed on: April 27th, 2025).
- [16] Rougier, Louis, *Les Mystiques économiques*. Librairie de Médecis, 1949.
- [17] T. Duy, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm: Việt Nam sẽ tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, *Tạp chí Cộng sản*, ngày 30/08/2024, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/963602/tong-bi-thu%2C-chu-tich-nuoc-to-lam--viet-nam-se-tien-vao-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc.aspx#> (accessed on: April 27th, 2025).
- [18] V. C. Giao, N. S. Đồng. Những điểm mới tiến bộ về quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp 2013 và việc thực thi. *VNU Journal of Science: Legal Studies*, (S.I.), Vol. 30, No. 3, 2014. ISSN 2588-1167. Available at: <https://js.vnu.edu.vn/LS/article/view/481> (accessed on: April 27th, 2025).
- [19] V. V. Hà, Mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, *Tạp chí Tuyên giáo*, 26/7/2021, <https://www.tuyengiao.vn/quan-he-nha-nuoc-va-thi-truong-trong-nen-kinh-te-mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-139316> (accessed on: April 27th, 2025).
- [20] A. de Tocqueville, *Democracy in America* (H. Mansfield & D. Winthrop, Trans.). University of Chicago Press (Tác phẩm gốc xuất bản năm 1835 - 1840).

- [21] A. Gramsci, *Selections from the Prison Notebooks* (Q. Hoare & G. Nowell Smith, Eds. & Trans.), International Publishers, 1971.
- [22] J. Habermas, *The Structural Transformation of the Public Sphere: An Inquiry into a Category of Bourgeois Society* (T. Burger & F. Lawrence, Trans.), MIT Press, 1989.
- [23] R. D. Putnam (2000), *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community*. Simon & Schuster.
- [24] https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=1034 (accessed on: April 27th, 2025).
- [25] <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-quyen-tu-do-hoi-hop-1957-101-SL-L-003-36793.aspx> (accessed on: April 27th, 2025).
- [26] <https://vietlaw.quochoi.vn/Pages/vbpq-toan-van.aspx?ItemID=964> (accessed on: April 27th, 2025).